

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HS-ST

Ngày: 19-11-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Nhậm

*Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thị Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Tôn Thọ Nuôi

2. Bà Nguyễn Thị Nhường

3. Bà Kiều Thị Kim Dung

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Chiến – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2021 đối với:

**- Bị cáo:**

**Mai Văn T**, sinh năm 1972. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thị trấn D, huyện D, tỉnh Long An. Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Mai Văn T, sinh năm: 1937 (chết) và bà Võ Thị H, sinh năm: 1941; Vợ tên Võ Thị Ánh T2, sinh năm: 1972; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 16/01/2021, chuyển tạm giam đến nay (có mặt).

**- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:** Luật sư Trần Văn C, Văn phòng Luật sư Trần Văn C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An (Có mặt).

**- Nguyên đơn dân sự:**

**- Công ty cổ phần G – Chi nhánh Đức Hòa.** Địa chỉ: ấp B, xã D, huyện D, tỉnh Long An.

**- Đại diện theo pháp luật:** Ông Phạm Hồng Q – Tổng giám đốc.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm: 1997, HKTT: xã H, huyện D, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn dân sự:*

- Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ T. Địa chỉ: phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn H – Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái B, sinh năm: 1975, HKTT: ấp A, xã A, huyện D, tỉnh Long An (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Văn D, sinh năm: 1995. HKTT: xã M, huyện D, tỉnh Long An (Có mặt).

2. Võ Văn N, sinh năm: 1957. HKTT: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; (Vắng mặt).

3. Nguyễn Thành T1, sinh năm: 1993. HKTT: Ấp D, xã D, huyện D, tỉnh Long An (Có mặt).

4. Võ Thị Ánh T2, sinh năm 1972. HKTT: ấp 1, xã D, huyện D, tỉnh Long An. Tạm trú: thị trấn D, huyện D, tỉnh Long An (Có mặt).

5. Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1956, HKTT: Quận 4, TP. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Lê Thành T4, sinh năm 1997. Địa chỉ: huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2. Huỳnh Thị Yên N, sinh năm 1997. Địa chỉ: huyện T, Thành phố C (Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Văn T, sinh năm: 1972, hộ khẩu thường trú tại số 337 Khu vực 5, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, là nhân viên của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng T thuộc ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Để kiểm thêm thu nhập, T xin làm bảo vệ cho Công ty T, địa chỉ tại số 13 đường T4B, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng thử việc với Công ty T, thời gian từ 15/12/2020 đến 15/01/2021, T được giao nhiệm vụ trực bảo vệ tài sản cho Công ty cổ phần G (gọi tắt là Công ty) thuộc ấp Bình Tiền 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, thời gian bảo vệ từ 19 giờ ngày hôm trước đến 07 giờ sáng ngày hôm sau. Theo quy trình, vào khoảng 19 giờ hàng ngày, nhân viên của Công ty kiểm đếm tiền và cất vào két sắt nhận hiệu Fire resistant safe, màu xám, loại 120kg của Công ty, chìa khóa và mật khẩu của két sắt do nhân viên của Công ty quản lý, T không được phép cất giữ tiền.

Khoảng 19 giờ ngày 03/01/2021, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ-đen, biển số: 59Y2-713.27 đến Công ty để trực bảo vệ. Đến khoảng 19 giờ 50 phút, nhân viên của Công ty là Lê Thành T (sinh năm: 1997), HKTT: xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long kiểm đếm số tiền 616.380.000 đồng và ghi thông tin vào biên bản giao nhận tiền cho T ký sẵn trước đó rồi cất toàn bộ số tiền vào trong két sắt và khóa lại, T không có tham gia kiểm đếm tiền nên không biết số tiền trong két sắt là bao nhiêu. Sau đó, tất cả nhân viên ra về, T nằm ngủ cách két sắt khoảng 05 mét. Đến 01 giờ 12 phút ngày 04/01/2021, T ngắt cầu dao điện làm tắt toàn bộ hệ thống camera nhằm trộm tiền trong két sắt. T mở cốp xe lấy 01 đèn pin loại đội đầu, bật sáng để lên bàn và quay đầu xe hướng ra cửa chính. T kéo két sắt lại gần đuôi xe, lấy 01 thùng carton có sẵn trong Công ty đẩy két sắt lại rồi dùng các thùng hàng có sẵn lót bên dưới chân két sắt, nâng từ từ lên, mỗi lần nâng được khoảng 20cm. Khi két sắt ngang bằng với yên xe, T lật két sắt nằm ngang lên yên xe rồi lấy 02 sợi dây ràng có sẵn trong Công ty cột cố định két sắt lại. Khoảng 04 giờ 50 phút cùng ngày, T điều khiển xe chở két sắt đến nhà kho của Công ty T, kéo và lật két sắt nằm ngửa dưới đất. T dùng 01 cây xà beng cạy cửa két sắt nhưng không được nên dùng bộ thiết bị cắt gió đá của Công ty T cắt 01 lỗ dạng hình chữ nhật tại vị trí phần trên của cửa két sắt rồi dùng xà beng cạy tấm sắt đã cắt. T lấy toàn bộ số tiền 616.380.000 đồng trong két sắt và phát hiện số tiền 63.000.000 đồng bằng Polime bị cháy không còn giá trị sử dụng nên bỏ vào Tli nilong màu đen, số tiền còn lại T bỏ vào cốp xe. T dùng thùng carton đẩy két sắt lại như cũ và chuẩn bị khiêng lên xe thì tài xế của công ty T là Nguyễn Văn D (sinh năm: 1995), HKTT: xã M, huyện D, tỉnh Long An từ trong nhà vệ sinh đi ra. T kêu D phụ T khiêng lên xe để đi giao hàng cho khách, D đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe chở két sắt đến khu vực cách cầu Thầy Cai khoảng 01 km thuộc ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ném Tli nilong bên trong đựng số tiền bị cháy xuống kênh rồi tiếp tục điều khiển xe đến đoạn đường thuộc ấp Ngãi 2, xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, T vứt két sắt cùng dây ràng xuống lề đường. T điều khiển xe đến vòng xoay Gò Mối gặp nhóm người cho vay (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) trả nợ hết 380 triệu đồng. Sau khi trả nợ xong, T đến nhà ông Võ Văn N (sinh năm: 1957), HKTT: xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang để lần trốn và nói với ông N là T đang giận vợ. Đến ngày 06/01/2021, T đến tiệm vàng Tân Hưng, địa chỉ: 1A Xóm Cui, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh mua 01 nhẫn vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ, giá 11.400.000 đồng. Sau đó, T đến Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đánh bạc ở nhiều nơi thua hết khoảng 90-100 triệu đồng. Ngày 08/01/2021, T chuyển khoản trả nợ 50 triệu đồng cho Nguyễn Thành T1 (sinh năm: 1993), HKTT: Ấp D, xã D, huyện D, tỉnh Long An. Đến ngày 16/01/2021, T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa bắt giữ. Tại Cơ quan điều tra, T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bản kết luận định giá tài sản số 07 ngày 20/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An kết luận: 01 két sắt hiệu Fire resistant safl loại 120kg có giá tại thời điểm bị mất trộm là 2.520.000 đồng. Số tiền nhân viên Công ty G cất trong két sắt theo biên bản giao nhận tiền ngày

03/01/2021 là 616.380.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị mất trộm là: 618.900.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả 350.000.000 đồng

Vật chứng được thu giữ gồm:

- 01 đèn pin hiệu Sankara, màu nâu, loại đội đầu.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, số khung: LHJF180X8Y727754, số máy: JF18E-5334193.
- 01 biển kiểm soát: 54L2-7805.
- 01 mảnh kim loại bằng sắt có dạng hình chữ nhật, kích thước 37cm x 37cm x 17cm x 14cm, một mặt có màu xanh lá cây, một mặt có màu bạc, xung quanh viền của mảnh kim loại có vết cháy xám màu đen.
- Tiền Việt Nam 11.200.000 đồng.
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, phía bên trong có khắc chữ “Tân Hưng 1A Xóm Củ 2C 99%”.
- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu HUAWEI, màu xanh, số sim: 0379578204, mặt lưng kính sau có nhiều vết nứt.
- 01 cây xà beng dài 54cm, có tay cầm bằng nhựa hình tròn dài 14cm, đường kính 04cm, thân xà beng dài 40cm, đường kính 02cm, mũi đẹp.
- 01 bộ thiết bị cắt gió đá.

Vật chứng đã được xử lý gồm:

Trả lại cho bị cáo Mai Văn T: Tiền Việt Nam 11.200.000 đồng; 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, phía bên trong có khắc chữ “Tân Hưng 1A Xóm Củ 2C 99%”; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu HUAWEI, màu xanh, số sim: 0379578204, mặt lưng kính sau có nhiều vết nứt.

Trả cho Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng T: 01 cây xà beng dài 54cm, có tay cầm bằng nhựa hình tròn dài 14cm, đường kính 04cm, thân xà beng dài 40cm, đường kính 02cm, mũi đẹp; 01 bộ thiết bị cắt gió đá.

Trả lại cho bà Huỳnh Ngọc T2 01 biển kiểm soát 59Y2-713.27.

Tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKSLA-P2 ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố các bị cáo Mai Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Bị cáo Mai Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo xác định cáo trạng truy tố là không oan sai.

Vợ của bị cáo là bà Võ Thị Ánh T2 và Công ty dịch vụ bảo vệ T liên đới bồi thường cho Công ty cổ phần G toàn bộ số tiền 616.380.000 đồng và 01 kết sắt số

tiền là 3.200.000 đồng, Công ty Cổ phần T đã bồi thường và bà T2 đã thực hiện bồi thường lại cho Công ty Cổ phần T, bà T2 không cần bị cáo trả lại số tiền này.

Ông Nguyễn Hồng S là đại diện Công ty cổ phần G không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Ông Nguyễn Thái B là đại diện Công ty dịch vụ bảo vệ T không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời trình bày thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra giải quyết vụ án.

Những người có liên quan vắng mặt có lời khai trong quá trình Điều tra có nội dung:

Ông Võ Văn N xác định bị cáo có đến nhà ông nhưng ông không biết bị cáo phạm tội đến nhà ông trốn, tránh.

Ông Nguyễn Văn T3 xác định xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, số khung: LHJF180X8Y727754, số máy: JF18E-5334193. Có biển kiểm soát đăng ký là: 59Z1-150.68 do ông đứng tên đăng ký nhưng ông đã bán cho người lạ từ lâu không có làm thủ tục chuyển quyền sở hữu. Hiện ông không có yêu cầu quyền lợi gì đối với xe mô tô này và không có yêu cầu gì liên quan đến vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm luận tội có nội dung:

Qua xem xét hồ sơ vụ án Cơ quan điều tra thu thập và xét hỏi tại phiên tòa công khai hôm nay và trên cơ sở đánh giá toàn bộ chứng cứ của vụ án. Kiểm sát viên khẳng định Cáo trạng số: 22 ngày 17/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo Mai Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi do bị cáo Mai Văn T thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, để thực hiện được ý định trộm cắp được tài sản của Công ty cổ phần G đem ra ngoài, bị cáo lợi dụng khi thực hiện nhiệm vụ trực bảo vệ và với thủ đoạn trực tiếp tắt camera nhằm lấy tài sản không ai phát hiện và để che giấu tội phạm, với mục đích trộm tài sản đem ra ngoài trót lọt. Tuy nhiên hành vi do bị cáo thực hiện đã bị phát hiện làm rõ. Hậu quả gây thiệt hại cho Công ty cổ phần G là 618.900.000 đồng, đồng thời còn gây mất uy tín của Công ty dịch vụ bảo vệ T và gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Đối với bị cáo cần cách ly xã hội một thời gian nhất định, để bị cáo có thời gian cải tạo thành người tốt cho xã hội và phòng ngừa chung.

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra Công ty dịch vụ bảo vệ T đã bồi thường xong thiệt hại cho Công ty cổ phần Giao hàng, bà Võ Thị Ánh T2 (vợ của bị cáo) đã bồi thường lại cho Công ty dịch vụ bảo vệ T; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đã áp dụng khi lượng hình phạt đối với bị cáo.

Vật chứng và tài sản có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy và xung công quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề cập đến.

Từ những phân tích trên:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Mai Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 4, Điều 173 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ khoản 4 Điều 173, điểm b, s, khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt Mai Văn T từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy tài sản: 01 đèn pin hiệu Sankara, màu nâu, loại đội đầu, 01 mảnh kim loại bằng sắt có dạng hình chữ nhật, kích thước 37cm x 37cm x 17cm x 14cm, một mặt có màu xanh lá cây, một mặt có màu bạc, xung quanh viền của mảnh kim loại có vết cháy xém màu đen, 01 biển kiểm soát: 54L2-7805 và tịch thu súng công tài sản: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, số khung: LHJF180X8Y727754, số máy: JF18E-5334193. Có biển kiểm soát đăng ký là: 59Z1-150.68 do Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1956, HKTT: H190 Hoàng Diệu, Phường 8, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký (Biển kiểm soát đã mất).

Về trách nhiệm dân sự: Đã bồi hoàn xong cho bị hại nên không đề cập đến.

Buộc bị cáo chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư Trần Văn C bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như Kiểm sát viên đề nghị: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả. Bị cáo phạm tội lần đầu chưa có tiền án tiền sự là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng mức án thấp nhất đối với bị cáo, giúp bị cáo sớm trở lại hoà nhập cộng đồng và gia đình.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc vắng mặt của Nguyên đơn dân sự Công ty cổ phần G và người có quyền và nghĩa vụ có liên quan ông Võ Văn N và ông Nguyễn Văn T3. Công ty cổ

phần G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đối với ông N và ông T3 vắng mặt không rõ lý do tuy nhiên trong quá trình điều tra Cơ quan Điều tra đã lấy lời khai trực tiếp đối với ông N và ông T3 và đại diện Công ty cổ phần G theo quy định của pháp luật về những nội dung có liên quan đến vụ án cũng như quyền lợi liên quan trong vụ án đã được giải quyết trong thời gian điều tra vụ án và không có yêu cầu quyền lợi hay nghĩa vụ liên quan với vụ án nên Hội đồng xử có căn cứ quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xuất phát từ động cơ vụ lợi cá nhân, Bị cáo đã nảy sinh ý định lấy trộm kết sắt bên trong chứa tiền của Công ty cổ phần G (gọi tắt là Công ty) thuộc ấp Bình Tiên 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nơi T được giao nhiệm vụ bảo vệ tài sản từ 19 giờ ngày hôm trước 03/01/2021. Đến ngày 04/01/2021 sau khi vào ca trực đến khoảng 01 giờ 12 phút ngày 04/01/2021 bị cáo bắt đầu thực hiện hành vi phạm tội: ngắt cầu dao điện làm tắt toàn bộ hệ thống camera của Công ty rồi lén lút lấy trộm kết sắt bằng cách đưa kết sắt lên xe mô tô bên trong có 616.380.000 đồng của Công ty. Chở về Công ty T dùng dụng cụ hàn gió đá cắt kết sắt lấy toàn bộ số tiền trong kết sắt. Do việc phá kết sắt làm cho 63.000.000 đồng bị cháy trong quá trình cắt kết sắt bằng gió đá không còn sử dụng được bị cáo đã cho vào T1i ni long ném xuống kênh Thầy Cai. Số tiền còn lại, bị cáo trả nợ hết 430 triệu đồng, mua 01 nhẫn vàng 24K 02 chỉ giá 11.400.000 đồng, đánh bạc hết khoảng 90 đến 100 triệu đồng. Đến ngày 16/01/2021, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa bắt giữ. Tài sản bị cáo trộm gồm số tiền là 618.380.000 đồng và 1 kết sắt được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự có giá trị là 2.520.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 618.900.000 đồng.

[4] Bị cáo Mai Văn T là người có đủ năng lực hành vi theo quy định của pháp luật đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty cổ phần G và giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt nêu trên đã có đủ căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố và Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng pháp luật không oan đối với bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của Công ty cổ phần G và ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội nên cần phải được xử phạt nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Sau khi phạm tội Công ty cổ phần bảo vệ T đã bồi thường khắc phục hậu quả cho Công ty cổ phần G, Bị cáo đã có vận động gia đình bồi thường lại cho Công ty T, Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như Kiểm sát viên đề nghị. Ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt trước khi phạm tội lần này bị cáo chưa có tiền án, tiền sự được xem là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như Luật sư đề nghị là có căn cứ.

[6] Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, có chủ định trước, sau khi phạm tội bị cáo có sử dụng tiền chiếm đoạt được vào việc đánh bạc nên cần phải áp dụng hình phạt thật nghiêm và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên bị cáo phạm tội lần đầu có hơn 2 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự nên có căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo dưới mức thấp nhất khung hình phạt bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử như Kiểm sát viên tham gia phiên toà đề nghị là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Vợ của bị cáo là bà Võ Thị Ánh T2 và Công ty dịch vụ bảo vệ T đã liên đới bồi thường cho Công ty cổ phần G toàn bộ số tiền 616.380.000 đồng và 01 kết sắt số tiền là 3.200.000 đồng. Bà T2 không yêu cầu T trả lại số tiền này, ông Nguyễn Hồng Sơn là đại diện Công ty cổ phần G không yêu cầu bồi thường gì thêm, ông Nguyễn Thái Bình là đại diện Công ty dịch vụ bảo vệ T không yêu cầu bồi thường gì thêm nên quyết định của bản án không đề cập.

[8] Đối với Nguyễn Văn D: Khi khiêng kết sắt phụ bị cáo lên xe, ông D không biết bên trong thùng carton có chứa kết sắt bị trộm và không nhận lợi ích hay hứa hẹn từ bị cáo. Như vậy, ông D không có hành vi đồng phạm với bị cáo.

[9] Đối với 63.000.000 đồng trong quá trình cắt kết sắt bằng gió đá bị cáo đã làm hỏng tiền polime, không sử dụng được nên ném xuống kênh, quá trình điều tra không thu được số tiền trên. Nên chưa có căn cứ xử lý bị cáo về hành vi hủy hoại tiền tệ.

[10] Đối với việc Bị cáo dùng tiền trộm được tham gia đánh bạc ở nhiều nơi trên địa bàn Quận 7, TP. Hồ Chí Minh nhưng không nhớ rõ địa chỉ. Quá trình điều tra, không thu thập được tài liệu để chứng minh, do đó chưa có căn cứ để xử lý cơ quan Điều tra cần tiếp tục làm rõ theo quy định.

[11] Việc bị cáo dùng tiền trộm được trả cho Nguyễn Thành T1 50 triệu đồng, xét về mặt ý thức ông T1 hoàn toàn không biết nguồn gốc số tiền mà bị cáo trả là tiền phạm tội mà có. Do đó, hành vi của ông T1 không cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và việc dùng tiền trộm được trả cho 03 đối tượng tên Hòa, Phát và 01 người không rõ họ tên số tiền 380 triệu đồng. Quá trình điều tra, không xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng nên chưa có căn cứ để xử lý.

[12] Việc T đến nhà ông Võ Văn N để lẩn trốn, ông N hoàn toàn không biết T phạm tội, hành vi của ông N không cấu thành tội "Che giấu tội phạm" là phù hợp.

[13] Về vật chứng:

- 01 đèn pin hiệu Sankara, màu nâu, loại đội đầu, 01 mảnh kim loại bằng sắt có dạng hình chữ nhật, kích thước 37cm x 37cm x 17cm x 14cm, một mặt có màu xanh lá cây, một mặt có màu bạc, xung quanh viền của mảnh kim loại có vết cháy xám màu đen, 01 biển kiểm soát: 54L2-7805 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ là có căn cứ.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, số khung: LHJF180X8Y727754, số máy: JF18E-5334193: Qua xác minh, biển kiểm soát 59Y2-713.27 thuộc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng-đỏ, số khung: 0610FY074909, số máy: G3D4E084814 do Huỳnh Ngọc T2, sinh năm: 1991, HKTT: ấp Tân Thành, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh đứng tên sở hữu đã bị mất trộm vào năm 2017 tại Campuchia. Bị cáo trình bày biển kiểm soát 59Y2-713.27 do T nhặt được và gắn sử dụng, biển kiểm soát mà bị cáo sử dụng trước đây là: 54L2-7805. Qua xác minh, xác định biển kiểm soát: 54L2-7805 thuộc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ELIZABETH, màu vàng, số khung: GD8D-002154, số máy: VTBAD-002154 do Nguyễn Hùng Linh, sinh năm: 1985, HKTT: 152A/10 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP Hồ Chí Minh đứng tên sở hữu đã bán cho người khác vào năm 2010.

Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định số khung, số máy đối với xe mô tô bị cáo dùng để chở kết sắt, kết quả xác định số khung, số máy là nguyên thủy, không bị đục sửa, xe mô tô trên cũng không nằm trong tàng thư xe bị mất trộm. Cơ quan điều tra xác định xe mô tô trên có biển kiểm soát đăng ký là 59Z1-150.68 do Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1956, HKTT: H190 Hoàng Diệu, Phường 8, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh đứng tên sở hữu, mua từ một người lạ không nhớ rõ địa chỉ vào năm 2014 và bán cho người lạ không rõ địa chỉ vào năm 2015. Bị cáo mua xe mô tô trên từ một người lạ không rõ địa chỉ, có giấy tờ xe nhưng bị cáo đã làm mất, khi mua không làm giấy tờ sang tên. Xét thấy, xe mô tô này không nằm trong danh mục tài sản bị mất trộm, hiện người đứng tên chủ sở hữu xác định đã bán không có yêu cầu liên quan về sở hữu xe mô tô này nên việc bị cáo đã mua xe mô tô trên nhưng chưa sang tên sở hữu là có căn cứ. Bị cáo đã sử dụng tài sản này làm phương tiện phạm tội nên tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước là có căn cứ.

[14] Về án phí: Bị cáo Mai Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Mai Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Mai Văn T **08 (tám) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 16/01/2021.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 19/11/2021 để đảm bảo kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 đèn pin hiệu Sankara, màu nâu, loại đội đầu.

- 01 mảnh kim loại bằng sắt có dạng hình chữ nhật, kích thước 37cm x 37cm x 17cm x 14cm, một mặt có màu xanh lá cây, một mặt có màu bạc, xung quanh viền của mảnh kim loại có vết cháy xám màu đen.

- 01 biển kiểm soát: 54L2-7805.

Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, số khung: LHJF180X8Y727754, số máy: JF18E-5334193. Có biển kiểm soát đăng ký là: 59Z1-150.68 do Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1956, HKTT: H190 Hoàng Diệu, Phường 8, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký (Biển kiểm soát đã mất).

Tất cả vật chứng được Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 107/QĐ-VKSLA-P2 ngày 17/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Mai Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn dân sự, người có quyền nghĩa vụ có liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TPHCM (01);
- VKSNDCC tại TPHCM (01);
- VKSND tỉnh Long An (01);
- Cục THADS tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- Bị cáo (01);
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Văn Nhậm**